

Bộ, tỉnh:

Cơ quan quản lý cấp trên:

Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường THCS Hưng Đạo

Mã đơn vị: 1038429

Loại hình đơn vị: Khối sự nghiệp

Mẫu số 10b-CK/TSC

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG

Năm 2021

STT	TÀI SẢN	TỔNG CỘNG		HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG						
		SỐ LƯỢNG	DIỆN TÍCH	Quản lý nhà nước	Hoạt động sự nghiệp			Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp	Sử dụng khác
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Trường THCS Hưng Đạo - Mã QHNS: 1038429	100	(124.579)							
	1 - Đất khuôn viên	1	(127.999)		(127.999)					
	2 - Nhà	5	3.420		3.420					
	3 - Xe ô tô									
	4 - Tài sản cố định khác	94			16					
	Tổng cộng	100	(124.579)							

Đ.T., ngày 22 tháng 01 năm 2022

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên và đóng dấu)



Bộ, tỉnh:

Cơ quan quản lý cấp trên:

Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường THCS Hưng Đạo

Mã đơn vị: 1038429

Loại hình đơn vị: Khối sự nghiệp

Mẫu số 09b-CK/TSC

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC, CƠ SỞ HOẠT ĐỘNG SỰ NGHIỆP

Năm 2021

Công khai về đất											Công khai về nhà										
STT	Danh mục trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp	Diện tích (m2)	Giá trị quyền sử dụng đất theo sổ kế toán (Nghìn đồng)	Hiện trạng sử dụng đất đến thời điểm công khai (m2)							Năm sử dụng	Tổng diện tích sản sử dụng (m2)	Giá trị theo sổ kế toán (Nghìn đồng)		Hiện trạng sử dụng nhà đến thời điểm công khai (lấy theo diện tích sản sử dụng (m2))						
				Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp				Sử dụng khác	Giá trị còn lại			Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp					Sử dụng khác		
					Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh , liên kết						Khôn g kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	
1	Quyền sử dụng đất tại Khu Thủ Dương- Phường Hưng Đạo- Thị xã Đông Triều	(127.999)	6.960.522		(127.999)																
2	Nhà vệ sinh số 01 tại Khu Thủ Dương- Phường Hưng Đạo- Thị xã Đông Triều									2004	40	37.000			40						
3	Nhà vệ sinh tại Khu Thủ Dương- Phường Hưng Đạo- Thị xã Đông Triều									2002	40	33.000	21.780		40						
4	Phòng học cấp 2 tại Khu Thủ Dương- Phường Hưng Đạo- Thị xã Đông Triều									1987	600	677.921	244.052		600						
5	Văn phòng số 02 tại Khu Thủ Dương- Phường Hưng Đạo- Thị xã Đông Triều									2001	2.700	378.577	218.826		2.700						

Công khai về đất										Công khai về nhà										
STT	Danh mục trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp	Diện tích (m2)	Giá trị quyền sử dụng đất theo số kê toán (Nghìn đồng)	Hiện trạng sử dụng đất đến thời điểm công khai (m2)						Năm sử dụng	Tổng diện tích sản sử dụng (m2)	Giá trị theo sổ kế toán (Nghìn đồng)		Hiện trạng sử dụng nhà đến thời điểm công khai (tính theo diện tích sản sử dụng (m2))						
				Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp				Sử dụng khác			Giá trị còn lại	Giá trị nguyên giá	Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp				Sử dụng khác	
					Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết							Khôn g kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết		Sử dụng hỗn hợp
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
6	Nhà vệ sinh số 02									2008	40	41.000	10.045		40					
Tổng cộng:		(127.999)	6.960.522		(127.999)						3.420	1.167.498	494.703		3.420					

Người lập báo cáo

(Ký, họ tên)

Nguyễn Văn Hùng
Nguyễn Văn Hùng

Ngày 20 tháng 01 năm 2012

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên và đóng dấu)



Trần Thị Thanh

Bộ, tỉnh:
Cơ quan quản lý cấp trên:
Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường THCS Hưng Đạo
Mã đơn vị: 1038429
Loại hình đơn vị: Khối sự nghiệp

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG XE Ô TÔ VÀ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH KHÁC
Năm 2021

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
I	Xe ô tô													
II	Tài sản cố định khác		94	1.122.086	1.122.086		96.712							
1	Bảng tương tác thông minh	Nhà trường THCS Hưng Đạo	1	25.000	25.000									
2	Bảng tương tác thông minh	Nhà trường THCS Hưng Đạo	1	25.000	25.000									
3	Bộ loa Mixeryamaha	Nhà trường THCS Hưng Đạo	1	61.780	61.780		24.712							
4	Bộ máy tính bàn Đồng Nam Á	Nhà trường THCS Hưng Đạo	2	19.140	19.140									
5	Bục giảng điện tử DTS 1300	Nhà trường THCS Hưng Đạo	1	24.000	24.000									
6	Li oa điện 01	Nhà trường THCS Hưng Đạo	1	8.000	8.000									
7	Máy chiếu đa năng panasonic	Nhà trường THCS Hưng Đạo	1	19.700	19.700									
8	Máy chiếu EP SON EB- SO2	Nhà trường THCS Hưng Đạo	1	18.250	18.250									
9	Máy chiếu Epson eb	Nhà trường THCS Hưng Đạo	1	26.000	26.000		10.400							
10	Máy chiếu Epson eb	Nhà trường THCS Hưng Đạo	1	26.000	26.000		10.400							
11	Máy chiếu Optoma EX 612	Nhà trường THCS Hưng Đạo	1	34.600	34.600									
12	Máy chiếu Optoma W30&UST	Nhà trường THCS Hưng Đạo	1	23.000	23.000									

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)					Mục đích sử dụng					
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
13	Máy chiếu panasonic	Nhà trường THCS Hưng Đạo	2	39.400	39.400									
14	Máy chiếu số 01	Nhà trường THCS Hưng Đạo	1	24.500	24.500									
15	máy chiếu số 02	Nhà trường THCS Hưng Đạo	1	21.500	21.500									
16	máy chiếu số 03	Nhà trường THCS Hưng Đạo	1	23.400	23.400									
17	máy chiếu số 04	Nhà trường THCS Hưng Đạo	1	21.300	21.300									
18	máy chiếu số 05	Nhà trường THCS Hưng Đạo	2	45.000	45.000									
19	Máy chiếu vật thể Lumens DC170	Nhà trường THCS Hưng Đạo	1	11.500	11.500									
20	Máy phải điện 01	Nhà trường THCS Hưng Đạo	1	16.200	16.200									
21	máy phôtô cop pi	Nhà trường THCS Hưng Đạo	1	48.865	48.865									
22	Máy tính bảng + tủ sạc thiết bị +phần mềm	Nhà trường THCS Hưng Đạo	19	83.210	83.210									
23	Máy tính để bàn 04	Nhà trường THCS Hưng Đạo	2	15.600	15.600									
24	Máy tính để bàn Đồng Nam Á	Nhà trường THCS Hưng Đạo	5	50.000	50.000									
25	Máy tính để bàn số 01	Nhà trường THCS Hưng Đạo	10	68.000	68.000									
26	Máy tính để bàn số 02	Nhà trường THCS Hưng Đạo	1	7.800	7.800									
27	máy tính để bàn số 03	Nhà trường THCS Hưng Đạo	1	7.600	7.600									
28	Máy tính đồng nam á	Nhà trường THCS Hưng Đạo	2	19.140	19.140									
29	máy tính phòng Học sinh	Nhà trường THCS Hưng Đạo	1	8.980	8.980									
30	máy tính phòng Học sinh	Nhà trường THCS Hưng Đạo	1	8.980	8.980									

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Ngàn đồng)					Mục đích sử dụng					
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguyên ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
31	máy tính phòng Học sinh	Nhà trường THCS Hưng Đạo	1	8.980	8.980									
32	Máy tính xách tay	Nhà trường THCS Hưng Đạo	1	15.300	15.300		6.120							
33	Máy tính xách tay	Nhà trường THCS Hưng Đạo	1	15.300	15.300		6.120							
34	Máy tính xách tay 03	Nhà trường THCS Hưng Đạo	1	14.500	14.500									
35	máy tính xách tay 01	Nhà trường THCS Hưng Đạo	1	15.500	15.500									
36	Máy tính xách tay 02	Nhà trường THCS Hưng Đạo	1	15.985	15.985									
37	Máy vi tính đồng Nam á	Nhà trường THCS Hưng Đạo	2	19.756	19.756									
38	Máy vi tính để bàn	Nhà trường THCS Hưng Đạo	1	8.400	8.400		3.360							
39	Máy vi tính để bàn	Phòng Tin học	1	8.900	8.900		3.560							
40	Máy vi tính để bàn	Phòng Tin học	1	8.900	8.900		3.560							
41	Máy vi tính để bàn	Phòng Tin học	1	8.900	8.900		3.560							
42	Máy vi tính để bàn	Phòng Tin học	1	8.900	8.900		3.560							
43	Máy vi tính để bàn	Phòng Tin học	1	8.900	8.900		3.560							
44	Máy vi tính để bàn	Phòng Tin học	1	8.900	8.900		3.560							
45	Máy vi tính để bàn	Phòng Tin học	1	8.900	8.900		3.560							
46	Máy vi tính để bàn	Phòng Tin học	1	8.900	8.900		3.560							
47	Máy vi tính để bàn	Phòng Tin học	1	8.900	8.900		3.560							
48	Máy vi tính để bàn	Phòng Tin học	1	8.900	8.900		3.560							
49	Máy vi tính để bàn FPT Elead T22i	Nhà trường THCS Hưng Đạo	1	9.700	9.700									
50	Máy vi tính Đồng Nam Á	Nhà trường THCS Hưng Đạo	1	9.570	9.570									
51	Máy vi tính Đồng Nam Á	Nhà trường THCS Hưng Đạo	1	9.570	9.570									

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)					Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác	
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	
52	Máy vi tính phòng tin học học sinh	Nhà trường THCS Hưng Đạo	1	9.570	9.570										
53	Máy vi tính xách tay N5547	Nhà trường THCS Hưng Đạo	1	17.820	17.820										
54	Phần mềm quản lý tài sản	Nhà trường THCS Hưng Đạo	1	9.000	9.000										
55	Phần mềm tạo bài giảng điện tử AP E.Learnning	Nhà trường THCS Hưng Đạo	1	12.000	12.000										
56	Phần mềm TS Mi Sa	Nhà trường THCS Hưng Đạo	1	5.000	5.000										
57	Tivi Samsung Led UA32F4100	Nhà trường THCS Hưng Đạo	1	5.690	5.690										
Tổng cộng 1			94	1.122.086	1.122.086		96.712								

Người lập báo cáo

(Ký, họ tên)

[Signature]
Đuôi Tô Luyện

Ngày 21 tháng 04 năm 2022

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên và đóng dấu)

